

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 193/2016/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ về nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

Căn cứ Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay;

Căn cứ Nghị định số 92/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về an ninh hàng không;

Căn cứ Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không, bao gồm:

- a) Phí thẩm định hồ sơ mua, bán, thuê, cho thuê tàu bay.
- b) Phí kiểm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bay cho tàu bay.
- c) Phí kiểm định cấp giấy chứng nhận loại tàu bay, chứng chỉ đủ điều kiện kỹ thuật các phương tiện thiết bị hàng không sản xuất mới đưa vào sử dụng.
- d) Phí cung cấp thông tin trong sổ đăng bạ tàu bay.
- đ) Phí phân tích dữ liệu bay.
- e) Phí thẩm định cấp chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động hàng không dân dụng; cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay.
- g) Phí sát hạch đủ điều kiện cấp giấy phép nhân viên hàng không.
- h) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu bay.
- i) Phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm liên quan đến quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam (Mã số AEP).
- k) Lệ phí cấp chứng chỉ cho tàu bay.
- l) Lệ phí đăng ký các quyền đối với tàu bay.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

- a) Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp các dịch vụ quy định thu phí, lệ phí tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này.
- b) Cơ quan có thẩm quyền thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.